

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/10/2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Thị Thanh Xuân
2. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

.Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 73 Tôn Thất Đ, phường An H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

.Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 73 Tôn Thất Đ, phường An H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 16/8/2000 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình vợ chồng bà chung sống cùng nhau tại số nhà 73 Tôn Thất Đ, phường An Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian dài. Đến khoảng năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp cùng nhau trong cuộc sống, ông M có dấu hiệu ngoại tình, bà đã khuyên can nhiều lần nhưng không được, Bà và ông M hiện nay đã sống ly thân

nhau từ năm nay. Tuy ở cùng nhà, nhưng không ăn chung và mỗi người ngủ riêng một phòng. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau nữa, không thể hàn gắn để trở về đoàn tụ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Bà và ông M có 02 con chung tên là Nguyễn Văn Thành N, sinh ngày 28/7/1998 và Nguyễn Văn Thành D, sinh ngày 14/11/2003. Hiện nay Nguyễn Văn Thành N đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên bà Liên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Nguyễn Văn Thành D chưa thành niên nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D đến lúc trưởng thành, bà không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Bà và ông M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn M, tại biên bản lấy lời khai 24/5/2018 đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật như lời bà L trình bày, quá trình vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài. Tuy nhiên từ 6/2017 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vì bà L ghen tuông vô cớ hiểu lầm nên có xảy ra xích mích giữa 2 vợ chồng, đôi khi nóng giận ông có làm bà L bị đau khiến bà L không vừa lòng. Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông vẫn còn tình cảm với bà Liên, ông mong muốn hàn gắn để trở về đoàn tụ. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung tên là Nguyễn Văn Thành N, sinh ngày 28/7/1998 và Nguyễn Văn Thành D, sinh ngày 14/11/2003. Ông không đồng ý ly hôn nên không đặt ra vấn đề nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Hoàng Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn M; về con chung: Bà L và ông M có 02 con chung là Nguyễn Văn Thành Nh, sinh ngày 28/7/1998 và Nguyễn Văn Thành D, sinh ngày 14/11/2003. Hiện nay Nguyễn Văn Thành N đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Riêng Nguyễn Văn Thành D chưa thành niên cần giao cho bà L là mẹ, gần gũi và chăm sóc con nhiều hơn nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Văn Thành D cho bà L phải cấp dưỡng tiền nuôi con, ông M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Tranh chấp ly hôn giữa bà Hoàng Thị Kim L và Nguyễn Văn M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.2. Bị đơn là ông Nguyễn Văn M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông M vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

* *Quan hệ hôn nhân*: Bà Hoàng Thị Kim L và ông Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 16/8/2000,, đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của bà L và ông M là hợp pháp.

Xét về mâu thuẫn của vợ chồng: Xét lời khai của bà Hoàng Thị Kim L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình hôn nhân của bà L và ông M đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài mà nguyên nhân là do giữa bà L và ông M bất đồng về quan điểm, không hòa hợp cùng nhau trong cuộc sống. Là một người phụ nữ, bà L mong muốn được chồng trân trọng, yêu thương và cùng nhau san sẻ về nhiều vấn đề trong cuộc sống, nhưng thực tế hôn nhân của bà L và ông M đã không đạt được điều đó. Hiện tại, tình cảm bà L dành cho ông M không còn, hai bên đã sống ly thân từ tháng 6/ 2017 đến nay, cuộc sống của ai người đó lo, không quan tâm gì đến nhau nữa, hôn nhân thực sự không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét lời khai của bị đơn là ông Nguyễn Văn M: Trong suốt quá trình tố tụng ông không đồng ý ly hôn, ông mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, ông M không thể hiện thiện chí của mình, không có giải pháp hàn gắn mâu thuẫn; tại các buổi hòa giải ông tự ý bỏ về, không thể hiện thái độ tiếp thu mà tỏ ra xem thường pháp luật; hơn nữa, ông M còn bỏ mặc phiên tòa không đến tham dự, xem như ông từ bỏ cơ hội và quyền tự chứng minh của mình trước Tòa án. Điều đó cho thấy thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ của ông M là không có.

Tại biên xác minh của chính quyền địa phương thì được biết: Mâu thuẫn vợ chồng của bà L và ông M đã xảy ra từ lâu. Lý do là ông M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, có con riêng bên ngoài dẫn tới tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Kim L và ông Nguyễn Văn M đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai

bên đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Bà L và ông M có 02 con chung là Nguyễn Văn Thành N, sinh ngày 28/7/1998 và Nguyễn Văn Thành D, sinh ngày 14/11/2003. Hiện nay Nguyễn Văn Thành N đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xét. Riêng Nguyễn Văn Thành D sinh ngày 14/11/2003. Hiện nay cháu D đang do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L đề nghị được trực tiếp nuôi con, hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn Thành D. Vì vậy giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con đến lúc trưởng thành, là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L tự nguyện không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Hoàng Thị Kim L và anh Nguyễn Văn M cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn: Bà Hoàng Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp tại biên lai số AA/2013/004576 ngày 08/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 ; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Hoàng Thị Kim L

Xử: Bà Hoàng Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn M .

2, Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Thành D, sinh ngày 14/11/2003 cho bà Hoàng Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; ông Nguyễn Văn M không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4.Về án phí: Bà Hoàng Thị Kim L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà

bà L đã nộp tại biên lai số AA/2013/004576 ngày 08/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế, nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TT. Huế;
- VKSND TP. Huế;
- THADS TP. Huế;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND P. Phú Thuận
- Lưu dân;
- Lưu hồ sơ.

Mai Thị Mộng Trinh